

## KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

### BÀI : Các loại rau cải

#### I. Mục đích của bài học.

- Học sinh được yêu cầu sử dụng bốn kỹ năng gồm : Nghe, Đọc, Viết và Nói.
- Thời gian là : 100 phút
- Học sinh được khuyến khích đặt các câu hỏi và trả lời.

#### II. Nội dung bài học .

1. **Chủ đề** : Các loại rau cải, thường được bán tại các siêu thị và thực phẩm Á Châu. ( đính kèm tài liệu )
2. **Thực hành các nội dung:**

##### **Bước 1- Phần đọc và hiểu bài ,** Thời gian : 50 phút.

- . học sinh nhìn hình và đoán tên những loại rau cải.
- . học sinh được Thầy hướng dẫn học các từ vựng mới như : danh từ, tính từ, động từ.
- . từng học sinh được Thầy yêu cầu đọc nội dung của bài đọc.
- . tiếp theo các học sinh rèn luyện kỹ năng nói, thông qua phần đọc câu hỏi và trả lời các nội dung của bài đọc .

##### **Bước 2- Phần bài tập,** Thời gian : 40 phút.

Học sinh tập viết và hiểu ngôn ngữ và văn hóa Việt nam.

- . điền từ còn thiếu vào ô trống cho phù hợp, từ đó giúp cho học sinh làm quen với các thành ngữ Việt nam.
- . làm giàu từ vựng cho học sinh, thông qua trò chơi ô chữ ( ngang và dọc ). Bài tập được làm theo nhóm 2 học sinh.

3. **Phần đánh giá buổi học ,** Thời gian : 10 phút.

Cuối buổi học , Thầy giáo sẽ đánh giá kết quả buổi học với các nội dung sau:

- . Làm thế nào các em phát huy được bốn kỹ năng.
- . Phát hiện được từng điểm mạnh và yếu của học sinh.
- . Xếp loại học sinh để có giải pháp giúp đỡ và quan tâm hơn.

Trên đây là kế hoạch dạy cho một buổi học Tiếng Việt lớp 6 Trường Cabramatta.

## Các loại rau cải

### A. Câu hỏi gợi ý :

Nhìn hình hãy nói tên những loại rau cải mà em biết. Ở nhà, mẹ em thường mua những loại rau cải nào ? Em thích ăn những loại rau cải nào ? Tại sao ?

### B. Từ ngữ mới :

• Danh từ :

rau cải (vegetables), bí rợ (pumpkin),  
rau dền (Vietnamese spinach),  
khổ qua (bitter melon), gừng (ginger),  
bầu (gourd), bí (waxy gourd),  
hành lá (spring onion),  
cải bắp (cabbage), củ dền (beetroot),  
bông cải (cauliflower),  
cần tây (celery).

• Tính từ :

đắng (bitter).



### C. Tập đọc :

## Các loại rau cải

Trong các bữa ăn hàng ngày, người Việt thường ăn rất nhiều rau cải.

Các loại rau cải thường thấy bán trong các tiệm thực phẩm Á Châu như rau muống, rau dền, rau răm, rau húng, rau quế, cải bẹ xanh, khổ qua, gừng, ớt, bầu, bí, hành lá...

Trong các siêu thị có bán những rau cải khác như cải bắp, bông cải, nấm rơm, bí rợ (bí đỏ), khoai tây, cà rốt, cần tây, cà chua, dưa leo, ớt tây, củ dền, củ hành, tỏi, chanh...

Rau cải thường dùng để ăn sống, xào, luộc hoặc nấu canh. Người Việt thích ăn những loại rau có mùi thơm như rau húng, rau răm, rau quế, ngò... hoặc những thứ có vị cay như ớt, gừng, tỏi... Có người còn thích ăn vài rau cải có vị đắng như cải bẹ xanh, rau đắng, khổ qua ...

Chúng ta nên ăn nhiều rau cải vì rau cải nào cũng giúp ích cho sự tiêu hóa.

⇒ Từ khó viết và khó phát âm: rau cải, rau muống, gừng, nấm rơm, khoai tây, luộc, cay.

### D. Tập nói : Tập hỏi và trả lời.

1. Trong các bữa ăn, người Việt thường ăn rất nhiều gì ?
2. Kể ra các loại rau cải thường thấy bán trong các tiệm thực phẩm Á Châu.
3. Trong các siêu thị có bán những thứ rau cải gì ?
4. Rau cải thường dùng để làm gì ?
5. Kể ra các loại rau cải có mùi thơm hoặc có vị cay mà người Việt thích ăn.
6. Kể ra các loại rau có vị đắng.
7. Tại sao chúng ta nên ăn nhiều rau cải ?



E. Tập viết :

1. Viết tên dưới hình :

cải bắp, bông cải, rau cần tây, khổ qua, củ hành, nấm rơm, tỏi, ớt tây, cà rốt, bí rợ, dưa leo, măng tây.



2. Điền từ thích hợp vào chỗ trống :

Muốn hay muốn : rau ..... , tỏi ..... đi chơi.

Nấm hay nấm : ..... rơm, ..... tay.

3. Dùng từ vị hoặc mùi để làm câu với các từ cho sẵn :

Ớt / cay, chanh / chua, rau quế / thơm, khổ qua / đắng, ngò / thơm.

a. Ớt có vị cay.

b. ....

c. ....

d. ....

e. ....

4. Điền từ thích hợp vào chỗ trống: xào, nấu canh, ăn sống, hầm, luộc.

a. Cải xà lách dùng để .....

b. Trái khổ qua dùng để ..... hoặc .....

c. Trái dưa leo dùng để .....

d. Trái bầu dùng để .....

e. Rau muống dùng để ..... hoặc .....

hoặc ..... hoặc .....

F. Bài tập ở nhà

Đọc lại bài tập đọc số 9 và 10 để tuần sau viết chính tả.